

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI, QP-AN NĂM 2014
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QP-AN NĂM 2015

Phần I

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2014

Năm 2014, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Chính phủ, kinh tế vĩ mô của đất nước cơ bản ổn định, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi, lạm phát được kiểm soát. Đối với tỉnh ta, mặc dù nhu cầu đầu tư phát triển chưa được đáp ứng, các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp tục khó khăn, quá trình tái cơ cấu các lĩnh vực ưu tiên trên địa bàn chuyển biến chậm, hiệu quả chưa rõ nét... Song với việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, sự đồng thuận và tinh thần quyết tâm cao của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư, tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh của tỉnh ta tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng.

I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ:

1. Sản xuất Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Về nông nghiệp: Với sự chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, các ngành, các cấp, sự nỗ lực của bà con nông dân, sản xuất vụ Đông Xuân và Hè Thu năm 2014 đã thu được những kết quả nổi bật; năng suất và sản lượng lúa đạt cao nhất từ trước đến nay. Kết quả cụ thể như sau:

Diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm đạt 82.718,2 ha, tăng 1,5% (+1.182,7 ha) so với năm 2013¹. Năng suất, sản lượng của hầu hết các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ năm trước². Tổng sản lượng lương thực có hạt

¹ Trong đó: cây lúa gieo cấy 50.212,7 ha, tăng 0,2% (+90,3 ha); cây ngô gieo trồng 3.830,8 ha, tăng 7,7% (+273,6 ha); khoai lang 2.612,7 ha, giảm 4,3% (-118,8 ha); sắn 11.771,5 ha, tăng 7,5% (+817,1 ha); cây chất bột khác 1.775,2 ha, giảm 2,3% (-42,2 ha); rau các loại 5.138,9 ha, tăng 4,8% (+234,6 ha); cây Ớt 418,5 ha, tăng 16,9% (+60,4 ha); đậu các loại 1.689,6 ha, giảm 8% (-47,7 ha); lạc 4.248,4 ha, giảm 0,9% (-38,2 ha)... Diện tích lạc, đậu các loại giảm là do vụ Hè Thu đầu vụ nắng nóng kéo dài, đất khô, không thể làm đất gieo trồng được.

² Cụ thể: Cây lúa năng suất ước đạt 51,5 tạ/ha, tăng 6,8 tạ/ha so với năm trước; sản lượng ước đạt 258.738 tấn, tăng 15,4% (+34.586,5 tấn). Cây ngô năng suất ước đạt 29,4 tạ/ha, tăng 2,7 tạ/ha; sản lượng ước đạt 11.245 tấn, tăng 18,5% (+1751,6 tấn). Cây khoai lang năng suất ước đạt 72,8 tạ/ha, tăng 1,9 tạ/ha; sản lượng ước đạt 19.028,9 tấn, giảm 1,7% (-330,4 tấn). Cây sắn năng suất ước đạt 163,3 tạ/ha, tăng 2,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 192.285,8 tấn, tăng 9% (+15.869,7 tấn). Cây chất bột khác năng suất ước đạt 103,9 tạ/ha, tăng 1,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 18.449,6 tấn, giảm 1% (-194,8 tấn). Rau các loại năng suất ước đạt 95,7 tạ/ha, tăng 1,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 49.200,8 tấn, tăng 6,3%

ước đạt 27 vạn tấn (KH 23,5 vạn tấn), tăng 15,6% (+3,6 vạn tấn) so với năm 2013. Tổng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh hiện có 31.160 ha, tăng 1,1% (+349,4 ha) so với cuối năm 2013³.

Tổng đàn gia súc, gia cầm ổn định về số lượng và chất lượng⁴. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2014 ước đạt 34.350 tấn, tăng 5,3% (+1.714 tấn) so với năm trước; trong đó: thịt lợn 25.860 tấn, tăng 3,9% (+970 tấn). Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được quan tâm và tăng cường chỉ đạo. Từ đầu năm đến nay, mặc dù đã xảy ra 03 đợt dịch lở mồm long móng tại 12 xã, phường, thị trấn và dịch cúm gia cầm xảy ra ở 11 xã nhưng hầu hết các ổ dịch được xử lý kịp thời nên hạn chế lây lan trên diện rộng.

Về thủy sản: Trong năm, thời tiết thuận lợi cho việc đánh bắt thủy sản, ngư dân tích cực bám biển và tham gia khai thác ở các vùng biển xa. Việc đóng mới, cải hoán nâng cấp tàu thuyền, mua sắm trang thiết bị, ngư lưới cụ để khai thác xa bờ được người dân quan tâm. Các chính sách hỗ trợ ngư dân và cho vay để đóng tàu cá xa bờ theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định 48/2010/QĐ-TTg được triển khai kịp thời, đầy đủ. Sản lượng khai thác ước đạt

(+2904 tấn). Đầu các loại năng suất ước đạt 9,2 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha; sản lượng ước đạt 1.556,7 tấn, giảm 3,3% (-53,5 tấn). Cây ớt năng suất ước đạt 52,3 tạ/ha, bằng năm trước; sản lượng ước đạt 2.188,1 tấn, tăng 16,8% (+314,6 tấn). Cây lạc năng suất ước đạt 18,3 tạ/ha, giảm 1,6 tạ/ha; sản lượng ước đạt 7.783,3 tấn, giảm 8,7% (-746 tấn).

³ Trong đó:

Diện tích hồ tiêu hiện có 2.180 ha, tăng 4,1% (+85,3 ha) so với năm 2013; diện tích trồng mới trong năm là 170 ha (KH 150 ha); năng suất ước đạt 8,7 tạ/ha, giảm 3,9 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 1.537 tấn, giảm 28,1% (-601,3 tấn). Tuy nhiên, giá tiêu hiện nay đang ở mức cao (150-200 ngàn đồng/kg), đã tạo động lực cho bà con chú trọng hơn trong việc đầu tư thâm canh phát triển cây hồ tiêu.

Diện tích cà phê hiện có 4.829 ha, tăng 0,2% (+11,4 ha) so với năm 2013; diện tích trồng mới trong năm là 150 ha (KH 150 ha); năng suất ước đạt 11,5 tạ/ha, giảm 6,9 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 5.147 tấn, giảm 35,2% (-796,3 tấn). Nguyên nhân năng suất và sản lượng cà phê giảm một phần do ảnh hưởng của thời tiết, một phần có nhiều diện tích cà phê đã quá già cỗi; hơn nữa, giá cà phê năm 2013 bán ra quá thấp, không khuyến khích được người trồng đầu tư thâm canh.

Diện tích cao su hiện có 18822 ha, tăng 1,5% (+279,9 ha) so với năm 2013; diện tích trồng mới trong năm là 300 ha (KH 700 ha); năng suất ước đạt 10,2 tạ/ha, giảm 2,9 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 11.326 tấn, giảm 20,6% (-2.939 tấn). Nguyên nhân cơ bản dẫn đến năng suất và sản lượng giảm do giá mủ cao su năm nay quá thấp, chỉ bằng 50 - 60% giá năm trước, thu không đủ chi, nên nhiều diện tích khai thác bà con không mặn mà chăm sóc. Mặt khác, do ảnh hưởng của hai cơn bão số 10 và 11 năm 2013, đã ảnh hưởng đến năng suất sản lượng mủ cao su trong năm 2014.

Diện tích cây chuối đạt 3.385 ha, tăng 3,6% (+116,5 ha) so với năm 2013; diện tích trồng mới trong năm là 197 ha; năng suất ước đạt 153,6 tạ/ha, giảm 4,5 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 48.609 tấn, tăng 8,6% (+3.869,6 tấn).

⁴ Đến thời điểm 1/10/2014, dự ước tổng đàn chăn nuôi của tỉnh có: đàn trâu 24.420 con, giảm 1,1% (-267 con) so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 52.150 con, tăng 3% (+1528 con); đàn dê 9500 con, giảm 4,8% (-478 con); đàn hươu 175 con, tăng 2,3% (+4 con); đàn lợn 267.470 con, tăng 11,6% (+27.859 con); đàn gia cầm 2014 nghìn con, tăng 7% (+131,5 nghìn con).

21.070 tấn, tăng 9,3% (+1785,7 tấn)⁵. Sản phẩm thủy sản khai thác chủ yếu là các loại cá có giá trị kinh tế cao và xuất khẩu như: cá thu, cá ngừ, mực... Diện tích nuôi trồng thủy sản ước thực hiện 3.341,3 ha, tăng 1,1% (+37 ha) so với năm trước⁶. Sản lượng nuôi trồng ước đạt 8.480 tấn, tăng 7,7% (+605,3 tấn)⁷. Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ước đạt 29.550 tấn (KH 26.000 tấn), tăng 8,8% (+2.391 tấn) so với năm trước.

Trước tình hình diễn biến phức tạp ở Biển Đông, được sự tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bà con ngư dân đã chấp hành tốt việc khai thác theo mùa vụ, tuyến, vùng hoạt động. Đồng thời đẩy mạnh phát triển khai thác hải sản xa bờ, nhất là khai thác vùng biển xa, mạnh dạn tiếp tục đầu tư đóng mới, cải hoán nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, ngư lưới cụ để đánh bắt ngày càng hiệu quả hơn, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương đất nước.

Về lâm nghiệp: Ước năm 2014 toàn tỉnh trồng 5.500 ha rừng, đạt kế hoạch đề ra; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước thực hiện 2.500 nghìn cây, tăng 16,9%; diện tích rừng trồng được chăm sóc ước thực hiện 27.000 ha, giảm 1,8%; diện tích rừng trồng được giao khoán bảo vệ 38.742 ha, tăng 9,8%. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 350.000 m³, tăng 24,9% (+69.750 m³) so với năm trước. Hiện tại trên địa bàn tỉnh đã có trên 10.000 ha rừng được tổ chức quốc tế cấp chứng chỉ FSC. Tỷ lệ độ che phủ rừng ước đạt 48,3%. Trong 10 tháng năm 2014 đã xảy ra 14 vụ cháy rừng, với diện tích rừng bị cháy là 236,31 ha, ước giá trị thiệt hại trên 3.650 triệu đồng. Địa phương có diện tích bị cháy nhiều là huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong.

Về kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Đến nay 100% xã trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch và đề án⁸ xây dựng nông thôn mới cấp xã. UBND các xã đã công khai quy hoạch, đề án và thực hiện cắm mốc chỉ giới quy hoạch. Đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, dân sinh như đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng... Tổng nguồn vốn huy động triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn toàn tỉnh năm 2014 là 2.773.768 triệu đồng⁹. Kết quả sau 3 năm triển khai chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (2011-2014) toàn

⁵ Trong đó: sản lượng cá 17.338 tấn, tăng 12,5% (+1928 tấn); sản lượng tôm 210 tấn, tăng 2,7% (-5,5 tấn); thủy sản khác 3.522 tấn, giảm 4% (-147,8 tấn).

⁶ Trong đó: nuôi cá 2.104 ha, giảm 1,3%; nuôi tôm 1.202 ha, tăng 5,6%.

⁷ Trong đó: sản lượng cá 3.413 tấn, tăng 0,4% (+14,3 tấn); sản lượng tôm 5.041 tấn, tăng 13,7% (+ 607 tấn) chủ yếu là tôm thẻ chân trắng.

⁸ Năm 2013 toàn tỉnh đã có 101/117 xã (đạt 86,3%) đã được phê duyệt quy hoạch và có 40/117 xã hoàn thành đề án và được UBND huyện phê duyệt

⁹ Trong đó: ngân sách các cấp đầu tư trực tiếp cho chương trình là 87.293 triệu đồng (chiếm 3,1%); các chương trình mục tiêu quốc gia và lồng ghép từ các chương trình, dự án khác là 102.988 triệu đồng (đạt 3,7%); vốn tín dụng là 2.561.000 triệu đồng (đạt 92,3%); vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác là 11.480 triệu đồng (đạt 0,41%) và nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư và huy động khác là 11.007 (đạt 0,4%)..

tỉnh tăng 605 tiêu chí, số tiêu chí đạt bình quân gần 8,5 tiêu chí/xã¹⁰. Đặc biệt, có 3 xã (Vĩnh Thạch, Vĩnh Kim, Vĩnh Thủy) đã cơ bản hoàn thành 19 tiêu chí trước thời hạn 1 năm.

2. Sản xuất Công nghiệp - Xây dựng:

Về công nghiệp: Trong năm 2014, tỉnh đã thực hiện nhiều chủ trương và giải pháp ưu tiên tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; các Ngân hàng thương mại đã giảm lãi suất cho vay, nới lỏng điều kiện tín dụng, giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn để đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị nhằm tăng sức cạnh tranh. Một số sản phẩm mới như: Bia Hà Nội - Quảng Trị, tinh bột sắn An Thái, viên năng lượng sạch, gạch không nung đã bắt đầu được đưa vào thị trường. Nhà máy MDF giai đoạn 2 đang triển khai. Tuy nhiên, tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn gặp khó khăn. Kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp phát triển chưa đồng bộ, chưa xây dựng được chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng bằng nguồn vốn từ khu vực tư nhân. Quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ lẻ. Chất lượng, mẫu mã, giá cả hàng hóa sản xuất trong tỉnh chưa đủ sức cạnh tranh, sản phẩm tiêu thụ chậm,...

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2014 ước đạt 6.056,7 tỷ đồng, tăng 9,1% so với năm trước và tăng 0,9% so với kế hoạch năm 2014¹¹. Nhiều sản phẩm chủ yếu năm 2014 tăng so với năm trước¹². Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm là: quặng inmenit và tinh quặng inmenit giảm 2,4%, tinh bột sắn giảm 1,2%, điện sản xuất giảm 4,3%.

Công tác quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp được chú trọng. Đã phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam Quảng Trị đến năm 2030; Đề án về Chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua và UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện; Đã trình Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011- 2020, có tính đến năm 2030 và bỏ qui hoạch một số dự án qui hoạch thủy điện nhỏ; Lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020, có tính đến năm 2030; Đang hoàn chỉnh Quy hoạch các dự án có nhu cầu sử dụng khí trên địa bàn tỉnh đến 2020, định hướng đến năm 2030 để trình thẩm định. Dự án Trung tâm nhiệt điện 1.200 MW đã

¹⁰ Đến 30/8/2014, số xã đạt từ 15-19 tiêu chí có 6 xã, chiếm 5,1%, tăng 6 xã so với năm 2010; Số xã đạt từ 13-14 tiêu chí: 7 xã (chiếm 6,0%), tăng 7 xã so với năm 2010; Số xã đạt từ 10-12 tiêu chí: 36/117 xã (chiếm 30,7%), tăng 36 xã so với năm 2010; Số xã đạt từ 5- 9 tiêu chí: 58/117 xã (chiếm 49,6%), tăng 19 xã so với năm 2010; Số xã đạt dưới 5 tiêu chí còn 10/117 xã (chiếm 8,6%), giảm 68 xã so với năm 2010.

¹¹ Trong đó: công nghiệp khai khoáng ước đạt 377,2 tỷ đồng (GSS2010), chỉ tăng 3,3% so với năm trước; công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 5.163,7 tỷ đồng, tăng 10,5% so với năm trước; sản xuất và phân phối điện ước đạt 433,1 tỷ đồng (GSS2010), giảm 0,4% so với năm trước, chủ yếu là do điện sản xuất giảm; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ổn định, ước đạt 82,7 tỷ đồng, tăng 5,2% so với năm trước.

¹² Như: quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 7,2%, đá xây dựng tăng 16,4%, gỗ cưa hoặc xẻ tăng 7%, dầu nhựa thông tăng 12,1%, phân hóa học tăng 2,6%, lốp dùng cho xe máy, xe đạp tăng 3,1%, săm dùng cho xe máy, xe đạp tăng 22,7%, gạch xây dựng tăng 3,5%, xi măng tăng 23,8%, điện thương phẩm tăng 1,2%, nước máy tăng 14,4%.

được Bộ Công Thương phê duyệt qui hoạch địa điểm, Chính phủ đã có Quyết định giao cho EGATi làm Chủ đầu tư, hiện nay EGATi đang hoàn chỉnh dự án đầu tư, trình Bộ Công Thương thẩm định để Chủ đầu tư phê duyệt.

Về xây dựng: Đã phê duyệt Quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và hoàn thành Đề án quy hoạch phát triển công viên, cây xanh, chiếu sáng đô thị đến năm 2020; Xây dựng qui chế quản lý qui hoạch kiến trúc thành phố Đông Hà, bộ thiết kế mẫu trụ sở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; hoàn thành qui hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Trị.

Hoạt động xây dựng trên địa bàn tiếp tục gặp khó khăn. Hầu hết các công trình đang xây dựng là công trình chuyển tiếp. Hoạt động xây dựng khu vực tư nhân hạn chế. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp xây dựng phải hoạt động cầm chừng hoặc ngừng hoạt động. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chủ động phân bổ hoặc ngừng hoạt động. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chủ động phân bổ sớm các nguồn vốn, ưu tiên xử lý nợ đọng XDCB, tập trung vốn cho các công trình chuyển tiếp và hoàn thành để góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Giá trị sản xuất xây dựng (giá hiện hành) năm 2014 ước thực hiện 7.263,6 tỷ đồng; chủ yếu do các đơn vị ngoài nhà nước thực hiện.

3. Giao thông vận tải:

Trong năm 2014, ngành Giao thông vận tải tỉnh đã tiến hành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch GTVT tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cảng Cửa Việt; Hoàn thành Đề án kiên cố hóa GTNT giai đoạn 2015-2020; Hoàn thành xây dựng kế hoạch sửa chữa đường bộ Trung ương năm 2015; Triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020; Đã cơ bản bàn giao toàn bộ mặt bằng 13,24Km (dự án BOT Đông Hà đến Quảng Trị) và 98,26% tổng chiều dài Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 (ngoài dự án BOT Đông Hà đến Quảng Trị) cho nhà thầu thi công.

Đã triển khai việc cấp, đổi Giấy phép lái xe vật liệu bia sang vật liệu PET theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt việc chiêu sinh, đào tạo sát hạch cấp GPLX, chú trọng đào tạo sát hạch GPLX hạng A1 cho các đối tượng là người dân tộc ít người ở vùng sâu, vùng xa, người dân tộc kinh có trình độ văn hóa thấp.

Đã tập trung chỉ đạo hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình: Đường biên giới từ xã Tân Long đi A Dơi đoạn Km0÷Km15, Đường vào xã Vĩnh Lâm, Đường thị xã Quảng Trị đến chợ Cạn, Đường 74 đi Khu kinh tế mới Linh Thượng, Đường Tân An-Thượng Nghĩa, hoàn thành toàn bộ phần cầu An Mô, thông xe kỹ thuật cầu Sông Hiếu v.v... Ước đến cuối năm 2014: Hoàn thành cầu Khe Mây, hoàn thành đường đầu cầu đoạn từ Bắc cầu Khe Mây đến công Trường CĐSP, hợp long cầu Cam Hiếu và nhiều công trình, dự án quan trọng khác như dự án do A Rập Xê Út, OFID tài trợ ...

Hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh năm 2014 duy trì được tốc độ tăng trưởng như các năm trước. Ước doanh thu vận tải năm 2014 thực hiện 980,2 tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước; trong đó: doanh thu vận tải hành

khách thực hiện 348,8 tỷ đồng, chiếm 35,6% và tăng 8,2%; doanh thu vận tải hàng hóa thực hiện 601,1 tỷ đồng, chiếm 61,3% và tăng 9,7%; doanh thu kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện 30,3 tỷ đồng, chiếm 3,1% và tăng 5%; doanh thu vận tải chủ yếu do các đơn vị ngoài nhà nước thực hiện.

Ước khối lượng hành khách vận chuyển năm 2014 thực hiện 6.180 nghìn HK, tăng 6,3% so với năm trước; khối lượng hành khách luân chuyển ước thực hiện 511.716 nghìn HK.km, tăng 4,5%.

Ước khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2014 thực hiện 7.400 nghìn tấn, tăng 8,5% so với năm trước; khối lượng hàng hoá luân chuyển ước thực hiện 535.323 nghìn tấn.km, tăng 6,5%.

Tình hình tai nạn giao thông 10 tháng đầu năm 2014 (từ ngày 16/12/2013 đến 15/10/2014): Xảy ra 223 vụ TNGT, làm chết 118 người, bị thương 255 người. So với cùng kỳ năm 2013, số vụ TNGT giảm 6 vụ (223 vụ / 229 vụ), giảm 2,6%; số người chết tăng 15 người (118 người / 103 người), tăng 14,6%; số người bị thương tăng 8 người (255 người / 247 người), tăng 3,2%.

4. Hoạt động Thương mại - Dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2014 ước đạt 19.516 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá cả thì chỉ tăng khoảng 7%)¹³. Một số cơ sở hạ tầng dịch vụ được đầu tư xây dựng đang từng bước đi vào hoạt động như khách sạn Mường Thanh, resort Sê Pôn - Cửa Việt, tòa nhà Viettel, Ngân hàng Quân đội... Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng chậm hơn các năm trước do sức mua còn hạn chế, lượng khách du lịch đến tỉnh giảm...

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa có bước khởi sắc so với năm trước; số đơn vị tham gia xuất, nhập khẩu tăng. Kim ngạch xuất khẩu năm 2014 ước thực hiện 190,5 triệu USD, tăng 44% so với năm trước. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như cà phê, cao su 1.925 tấn, tinh bột sắn, gỗ xẻ, sản phẩm bằng plastic, sản phẩm bằng gỗ và hàng hóa khác¹⁴. Kim ngạch nhập khẩu năm 2014 ước thực hiện 215 triệu USD, tăng 41,7% so với năm trước¹⁵. Hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu tuy tăng trưởng khá, nhưng quy mô còn nhỏ bé so với các tỉnh trong vùng; công tác xúc tiến thương mại, tổ chức khai thác nguồn hàng và thị trường xuất, nhập khẩu còn hạn chế.

¹³ Trong đó: kinh tế nhà nước thực hiện 2.036 tỷ đồng, chiếm 10,4% tổng mức và tăng 19,6%; kinh tế ngoài nhà nước thực hiện 17.480 tỷ đồng, chiếm 89,6% và tăng 12,7%. Phân theo ngành kinh tế: thương nghiệp thực hiện 16.763,8 tỷ đồng, chiếm 85,9%, tăng 13,7%; lưu trú và ăn uống thực hiện 2.036,7 tỷ đồng, chiếm 10,4%, tăng 11,9%; du lịch lữ hành thực hiện 26,8 tỷ đồng, chiếm 0,1%, giảm 21,2%; dịch vụ thực hiện 688,7 tỷ đồng, chiếm 3,5%, tăng 11,9%.

¹⁴ Cụ thể: cà phê 15.200 tấn, bằng 5,8 lần năm trước; cao su 1.925 tấn, tăng 1,8%; tinh bột sắn 32.500 tấn, tăng 5,4%; gỗ xẻ 37.000 m³, tăng 17,5%; sản phẩm bằng plastic 14,5 triệu USD, tăng 53,8%; sản phẩm bằng gỗ 8,5 triệu USD, tăng 17,5%; hàng hóa khác 80,6 triệu USD, tăng 75%.

¹⁵ Trong đó: thực phẩm chế biến 22 triệu USD, bằng 3,5 lần năm trước; hàng điện tử 6,5 triệu USD, tăng 26,5%; thạch cao 198.876 tấn, 4,3%; gỗ tròn 11.580 m³, tăng 13%; gỗ xẻ 55000 m³, tăng 25,3%; hàng hóa khác 102,3 triệu USD, tăng 46,3%.

Giá cả thị trường năm nay tương đối ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2014 tăng 5,32% so với cùng kỳ năm 2013¹⁶. Dự ước giá tiêu dùng tháng 12/2014 tăng 3% so với tháng 12 năm trước; giá tiêu dùng bình quân năm 2014 tăng 5,8% so với giá tiêu dùng bình quân năm 2013. Công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại được triển khai tích cực và có hiệu quả.

5. Tài chính - Ngân hàng:

Công tác quản lý điều hành ngân sách được thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, đã tiến hành cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết, hạn chế chi bổ sung ngoài dự toán. Thực hiện công khai dự toán ngân sách các cấp và các đơn vị thụ hưởng ngân sách theo đúng quy định. Việc đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các chính sách mới tăng thêm của địa phương được triển khai kịp thời, hiệu quả. Chi đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện theo qui định hiện hành của Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2014 là 2.190 tỷ đồng, bằng 135,6% dự toán địa phương giao và tăng 11% so với năm trước¹⁷. Trong đó thu nội địa ước đạt 1.236 tỷ đồng, bằng 120,1% dự toán địa phương và tăng 6,1% so cùng kỳ; thu từ hoạt động XNK ước đạt 954 tỷ đồng, bằng 162,8% dự toán địa phương và vượt 18,1% so cùng kỳ.

Ước tổng chi ngân sách địa phương năm 2014 là 5.923 tỷ đồng, bằng 118% dự toán địa phương giao và tăng 4% so với năm trước¹⁸.

Hoạt động của các tổ chức tín dụng an toàn, thanh khoản tiếp tục được cải thiện, nguồn vốn vay đã ưu tiên đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu. Đã triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp xử lý nợ xấu như rà soát, đánh giá, phân loại nợ xấu để hạn chế thấp nhất nợ xấu phát sinh. Tích cực thực hiện chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp ... Đến cuối tháng 9/2014, dư nợ cho vay các doanh nghiệp trên địa bàn là 5.436 tỷ đồng, chiếm 42,4% tổng dư nợ, tăng 12,2% so với năm 2013. Cho vay các đối tượng chính sách, cho vay nông nghiệp, nông thôn và nông thôn mới tăng tương ứng 4,15% và 8,8% so với cuối năm 2013. Huy động vốn trên địa bàn đến 31/10/2014 đạt 10.825 tỷ đồng, giảm 340 tỷ đồng so với cuối năm 2013; dự kiến đến cuối năm 2014 nguồn vốn huy động đạt 11.200 tỷ đồng, tăng 0,3% so với cuối năm 2013. Về dư nợ tín dụng: tại thời điểm 31/10/2014 đạt 12.961 tỷ đồng,

¹⁶ Trong đó: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 8,33%; nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 2,68%; nhóm may mặc, giày dép, mũ nón tăng 6,42%; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,66%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 4,56%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,43%; nhóm giao thông tăng 2,48%; nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,16%; nhóm giáo dục tăng 3,17%; nhóm văn hoá giải trí và du lịch tăng 3,49%; nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 3,84%. Giá vàng giảm 12,98%; giá USD giảm 0,02%.

¹⁸ Trong đó: Chi đầu tư phát triển 755,025 tỷ đồng, bằng 148% dự toán địa phương giao và bằng 116% so với năm trước. Chi thường xuyên 3.871,793 tỷ đồng, bằng 116% dự toán địa phương giao và tăng 14% so với năm trước.

tăng 1.676 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 14,85% so với cuối năm 2013 và tăng 20,76% so với cùng kỳ năm trước; dự kiến đến cuối năm, dư nợ cho vay đạt 13.000 tỷ đồng, tăng 15,1% so với cuối năm 2013.. Nợ xấu đến 31/10/2014 là 131 tỷ đồng, chiếm 1,01% tổng dư nợ; dự kiến đến cuối năm 2014 nợ xấu chiếm tỷ trọng 1% so với tổng dư nợ.

6. Hoạt động của các Khu, Cụm công nghiệp và Khu Kinh tế:

Trong năm, tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 6 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 197,87 tỷ đồng vào các khu kinh tế và khu công nghiệp. Hiện có 10 dự án làm thủ tục đầu tư với tổng mức đầu tư 380,2 tỷ đồng. Tính đến nay, đã có 102 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư đăng ký 8.079 tỷ đồng¹⁹. Tình hình đầu tư và kinh doanh vào các khu kinh tế, khu công nghiệp có xu hướng chững lại... Nguyên nhân là do các chính sách về thuế và tài chính đối với Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo đang trong quá trình sửa đổi, chưa ổn định.

Các cụm công nghiệp đã thu hút 83 dự án với tổng mức đầu tư đăng ký khoảng 930,747 tỷ đồng; trong đó có 43 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, 14 dự án đang triển khai xây dựng, 26 dự án đã cấp phép đầu tư chuẩn bị triển khai xây dựng. Trong đó, một số cụm công nghiệp đã thu hút các nhà đầu tư như Cam Hiếu, Hải Thượng...

Nổi bật trong năm, Cửa khẩu La Lay được nâng cấp từ Cửa khẩu quốc gia lên Cửa khẩu quốc tế theo Quyết định số 813/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Đề án thành lập Khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế La Lay đang được hoàn thiện hồ sơ để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ.

7. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội:

Dự ước, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn năm 2014 thực hiện 9.044 tỷ đồng, tăng 9,3% so với năm trước; trong đó: vốn nhà nước thực hiện 2.552 tỷ đồng, tăng 11,5%; vốn ngoài nhà nước thực hiện 6.367 tỷ đồng, tăng 9,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 125 tỷ đồng, giảm 17,8%.

Theo khoản mục đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 7.019 tỷ đồng, tăng 10,3%; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản thực hiện 905 tỷ đồng, tăng 2,2%; vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định thực hiện 550 tỷ đồng, tăng 2,4%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động thực hiện 350 tỷ đồng, tăng 22,8%; vốn đầu tư phát triển khác 220 tỷ đồng, tăng 7,8%.

8. Hoạt động đối ngoại và xúc tiến đầu tư:

Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Quảng Trị với bạn bè quốc tế trong năm 2014 tiếp tục được củng cố tăng cường, bằng việc tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị với các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế

¹⁹ Trong đó: Tại KCN Nam Đông Hà có 30 dự án với tổng mức đầu tư 1.797 tỷ đồng; KCN Quán Ngang có 12 dự án với tổng mức đầu tư 2.626 tỷ đồng; Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo có 60 dự án với tổng mức đầu tư 3.655 tỷ đồng.

Đông – Tây; Xúc tiến, tăng cường quan hệ hợp tác với Hàn Quốc, Nhật Bản, các Đại sứ quán các nước và các tổ chức quốc tế khác. Đã tổ chức Hội nghị phổ biến lộ trình Cộng đồng Kinh tế ASEAN cho các cán bộ, doanh nghiệp trên địa bàn, chú trọng chuyên tải các nội dung: tác động của việc gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015 đối với Việt Nam, các cam kết và lợi ích của các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã tham gia.

Trong năm 2014, toàn tỉnh đã thu hút được 39 dự án nước ngoài với tổng vốn đầu tư là 1.186 tỷ đồng²⁰ và 20 dự án đầu tư trong nước được cấp giấy CNĐT với tổng vốn đầu tư là 1.062,7 tỷ đồng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 33 dự án ODA đang triển khai thực hiện với tổng mức đầu tư là 6.408,785 tỷ đồng; Trong đó, vốn nước ngoài là 5.484,593 tỷ đồng, vốn đối ứng là 924,192 tỷ đồng. Giải ngân các dự án ODA trong 9 tháng đầu năm là 500,929 tỷ đồng (gấp gần 2 lần so với cùng kỳ năm 2013). Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục tập trung thu hút, vận động các dự án ODA có quy mô lớn như: Dự án Kết nối hành lang Kinh tế Đông Tây (Quốc lộ 9D) với chuỗi các đô thị và khu kinh tế động lực phía Đông Nam tỉnh Quảng Trị (tổng vốn đầu tư là 1.042,6 tỷ đồng); Dự án Dịch vụ hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị (tổng vốn đầu tư là 624,9 tỷ đồng).

Trong 10 tháng đầu năm 2014, UBND tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 03 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 9,8 triệu USD (tăng 02 dự án so với cùng kỳ năm 2013), ước tổng vốn đầu tư thực hiện các dự án FDI 10 tháng là 3,3 triệu USD (bằng 65% so với cùng kỳ năm 2013). Đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 20 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký là 1.062,7 tỷ đồng.

Trong năm 2014, tỉnh Quảng Trị đã vận động được 34 dự án và viện trợ phi dự án mới với tổng giá trị cam kết là 6.948.025 USD, trong đó ngân sách dành cho năm 2014 là 5.147.501 USD. So với cùng kỳ năm trước, tổng giá trị các dự án mới vận động của tỉnh Quảng Trị tăng. Các dự án viện trợ PCPNN chủ yếu phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả chiến tranh tại địa phương.

Hiện có 45 dự án NGO đang hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh với tổng vốn cam kết gần 13,5 triệu USD, giá trị giải ngân trong 9 tháng đầu năm 2014 khoảng 4,45 triệu USD, đạt 70% kế hoạch vốn cam kết.

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nhiều hoạt động nhằm cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 về “Chương trình hành

²⁰ Trong đó: Có 02 dự án ODA ký kết hiệp định với tổng vốn là 816,014 tỷ đồng; 03 dự án FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn là 203,84 tỷ đồng; 34 dự án NGO được phê duyệt với tổng vốn là 166,982 tỷ đồng

động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, giai đoạn 2014-2020". Đến nay, nhiều địa phương, đơn vị đã nghiêm túc xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện²¹.

9. Phát triển doanh nghiệp và hợp tác xã:

Tỉnh đã tích cực chỉ đạo 04 DNNN trong diện thực hiện cổ phần hóa tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động theo tinh thần Kết luận số 29/KL-TU ngày 19/12/2013 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (Khóa XV) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN tỉnh giai đoạn 2014 - 2015. Đến nay, công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị đã hoàn thành công tác kiểm toán, kiểm kê, phân loại tài sản, xác định giá trị doanh nghiệp và đang thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy trình; Công ty TNHH một thành viên Môi trường Đô thị Đông Hà và công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị đã thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc để chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch cổ phần hóa đúng quy trình và lộ trình đề ra; Công ty TNHH một thành viên Cảng Cửa Việt đang xây dựng phương án tái cấu trúc, cổ phần hóa doanh nghiệp để trình UBND tỉnh và Thường vụ Tỉnh ủy thông qua.

Tình hình phát triển doanh nghiệp trong năm 2014 tiếp tục gặp khó khăn. Trên cơ sở kết quả 10 tháng, ước cả năm có khoảng 250 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký 768,62 tỷ đồng; có 28 Chi nhánh và 5 Văn phòng đại diện đăng ký hoạt động. Số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc đăng ký tạm ngừng hoạt động là 77 doanh nghiệp; trong đó: 38 doanh nghiệp đăng ký giải thể, tăng 80,9% và 39 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động tăng 105,3% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác số hóa tài liệu, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công bố phát hành cổ phần chào bán, công bố giải thể của doanh nghiệp lên hệ thống ĐKKD quốc gia được tích cực thực hiện, từng bước đảm bảo việc quản lý, cung cấp thông tin về doanh nghiệp kịp thời, hiệu quả.

Đến nay, toàn tỉnh có 341 HTX, LHHTX²², giảm 14 HTX so năm 2013²³. Tổng số thành viên HTX là 99.000 thành viên; tổng doanh thu bình quân năm HTX năm 2013 là 800 triệu đồng, lợi nhuận bình quân một HTX 85 triệu đồng và thu nhập bình quân của một thành viên ước đạt 16-17 triệu đồng/năm. Ngoài ra, toàn tỉnh có 7.150 tổ hợp tác với 58.265 thành viên, bình quân mỗi tổ hợp tác có từ 7 - 8 thành viên, hoạt động trên các lĩnh vực tiết kiệm tín dụng, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, chăn nuôi, lâm nghiệp, sản xuất tiêu thủ công nghiệp. Có 314 (chiếm 4,4%) Tổ hợp tác được UBND xã chứng thực đi vào hoạt động ổn định²⁴.

²¹ Đến nay, có 21 đơn vị có báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 và 8 đơn vị có xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện

²² Tuyên tuyên vận động thành lập mới 01 HTX lĩnh vực phi nông nghiệp.

²³ Giải thể 15 HTX thủy sản

²⁴ Trong đó: 176 Tổ hợp tác nông nghiệp và 138 Tổ hợp tác tín dụng.

Công tác tổ chức chuyển đổi HTX theo Luật HTX năm 2012 được quan tâm. Đến nay có 10/10 huyện, thành phố, thị xã tổ chức tập huấn, tuyên truyền Luật HTX 2012, Triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo Quyết định số 38/2009/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 về một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2009 - 2015 với nhiều hoạt động như: phân bổ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu để hỗ trợ thành lập mới 6 HTX; đào tạo bồi dưỡng cán bộ HTX nông nghiệp, phi nông nghiệp và tổ hợp tác; hỗ trợ thúc đẩy phát triển các mô hình KTTT trong việc ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và từng bước hình thành việc liên doanh, liên kết, bảo đảm đầu ra ổn định cho nông sản...

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

1. Giáo dục - Đào tạo:

Năm học 2014-2015 là năm đầu tiên ngành Giáo dục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chất lượng giáo dục ở các cấp học đạt kết quả khá tốt, tỉ lệ học sinh xếp đạo đức tốt và khá trên 95%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp tiểu học đạt 100%, cấp trung học cơ sở đạt 99%, cấp THPT đạt 98,46%, hệ bổ túc trung học đạt 89,72%. 100% trường mầm non thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn cho trẻ. Kết quả thi học sinh giỏi năm học 2013-2014 đáng khích lệ²⁵.

Tiếp tục duy trì và củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên 141 xã, phường, thị trấn. Tính đến thời điểm này, Quảng Trị là tỉnh thứ 18 trong cả nước đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và về đích trước 2 năm so với kế hoạch. Toàn tỉnh có 9/9 huyện, thị xã, thành phố (không tính huyện đảo Cồn Cỏ) và 141/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; trong đó có 39 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 2 (tăng 13 xã so với năm học trước). 141/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học ở 100% số phường thuộc thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà; hiện đang triển khai ở các thị trấn vùng huyện.

Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo và thực hiện đạt kết quả tốt. Đến nay, toàn tỉnh có 230/487 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 47,2%²⁶.

Chế độ, chính sách đối với giáo viên, đặc biệt là giáo viên vùng khó được quan tâm. Giáo viên mầm non ngoài biên chế hưởng lương theo Nghị quyết 3.5

²⁵ Cấp tiểu học có 13 giải Quốc gia về toán, 23 giải Quốc gia tiếng Anh qua mạng (3 HCV, 3 HCB, 4 HCB và 13 giải khuyến khích); cấp THCS, THPT có 17 giải học sinh giỏi cấp Quốc gia (01 giải nhất toán, 07 giải ba và 09 giải khuyến khích).

²⁶ Mầm non có 54/163 trường đạt chuẩn, chiếm 33,1%; tiểu học 128/160 trường đạt chuẩn, chiếm 80%; trung học cơ sở có 44/131 trường đạt chuẩn, chiếm 33,6% và trung học phổ thông có 4/33 trường đạt chuẩn, chiếm 12,15%.

của HĐND tỉnh đã được tuyển dụng vào biên chế để tạo động lực nâng cao chất lượng ngành học mầm non và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi.

Kịp thời hỗ trợ 492,48 tấn gạo cho 3648 học sinh theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công tác xã hội hóa giáo dục thu được nhiều kết quả, góp phần tích cực tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị trường học, xây dựng trường học “xanh, sạch, đẹp”...

Tuy nhiên, điều đáng lưu tâm là số học sinh bỏ học tăng ở cả ba cấp học²⁷.

2. Chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ trẻ em:

Hệ thống mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Toàn tỉnh có 1.625 giường bệnh (không kể trạm xá), tăng 2,5% so với năm trước. Có 82 xã (chiếm 58%) đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Đội ngũ y tế đã được đào tạo nâng cao chất lượng chuyên môn và công tác quản lý, đặc biệt coi trọng việc đào tạo chuyên sâu tuyến tỉnh, đào tạo phổ cập và đào tạo nâng cao tuyến cơ sở. Số xã có bác sĩ đạt 78%, 100% xã có nữ hộ sinh, 100% thôn, bản có nhân viên y tế cộng đồng, đạt 28,8 giường bệnh và 8 bác sĩ trên 1 vạn dân, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế khoảng 75%.

Các chương trình y tế quốc gia được triển khai đồng bộ và đạt kết quả khá, nhiều kỹ thuật mới, hiện đại về khám chữa bệnh được triển khai ứng dụng. Dự ước năm 2014 số lượt người khám bệnh đạt 1.094 nghìn lượt, tăng 2,8% so với năm trước; số bệnh nhân điều trị nội trú là 105 nghìn lượt, tăng 3%.

Công tác phòng chống dịch bệnh được đẩy mạnh. Trong năm tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là dịch sởi bùng phát mạnh trên cả nước và có tỷ lệ tử vong cao so với các năm. Các cấp các ngành liên quan đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và chủ động phòng ngừa không để dịch bệnh bùng phát, lây lan.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; chú trọng trong công tác phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em, tỷ lệ suy dinh trẻ em dưới 5 tuổi còn 15,5% (KH <15,5%). Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin phòng 8 bệnh cho trẻ năm 2014 chỉ đạt 90%.

Hoạt động truyền thông, chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên toàn tỉnh 1,1%. Mức giảm tỷ lệ sinh ước trên 0,5‰ (chỉ tiêu đề ra là 0,5‰).

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn được tăng cường thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm... Đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

²⁷ Cấp THPT có 766 em bỏ học, chiếm tỷ lệ 2,89% (năm học trước 502 em - tỷ lệ 1,78%); Cấp THCS có 465 em bỏ học, chiếm tỷ lệ 1,11% (năm học trước 357 em - tỷ lệ 0,83%); Cấp tiểu học có 56 em, tỷ lệ 0,09% (năm học trước 29 em - tỷ lệ 0,05%).

3. Hoạt động Văn hóa - Thể thao - Du lịch:

Trong năm, nhiều hoạt động văn hóa chào mừng các ngày lễ lớn được tổ chức tại nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh với nội dung phong phú, thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo quần chúng. Một số hoạt động văn hóa nổi bật như Lễ hội “Thống nhất non sông” và đón nhận Bằng xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt đối với 03 di tích lịch sử Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, di tích Thành cổ Quảng Trị và di tích Đường Hồ Chí Minh, Lễ thượng cờ Hiền Lương; Kỷ niệm 55 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh tại Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn; Lễ kiệu La Vang; Lễ hội đâm trâu truyền thống ở xã A Ngo (huyện Đakrông); Lễ hội chợ Đình Bích La... Tham gia chương trình nghệ thuật tuyên truyền lưu động “Huyền thoại một con đường” và “Về với Điện Biên” đạt 02 huy chương vàng toàn đoàn; tham dự Liên hoan dân ca Bình Trị Thiên lần thứ I - năm 2014 đạt giải nhì. Các hoạt động văn hóa văn nghệ diễn ra sôi nổi như Liên hoan văn nghệ các làng văn hóa; Liên hoan các nhóm tuyên truyền ca khúc cách mạng tỉnh Quảng Trị lần thứ IV - 2014...

Hoàn thành hồ sơ di tích Hệ thống làng hầm Địa đạo Vịnh Mốc - Vĩnh Linh đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận di tích Quốc gia đặc biệt. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản vật thể, phi vật thể được chú trọng. Đến nay đã hoàn thành kiểm kê đưa vào danh mục quản lý 516 di tích, trong đó có 03 cụm di tích xếp hạng Quốc gia đặc biệt, 21 di tích xếp hạng Quốc gia, 474 di tích cấp tỉnh.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào thi đua yêu nước rộng khắp, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, thu hút sự đồng tình hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân. Tính đến nay, toàn tỉnh có 91,2% làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa; có 03 huyện được công nhận huyện điển hình văn hóa; có 89,6% gia đình được công nhận gia đình văn hóa. Hiện nay có 912/1066 nhà văn hóa làng, bản, khu phố, đạt tỷ lệ 85,6%; có 91/141 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn, đạt tỷ lệ 64,5%. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động văn hóa cũng được tăng cường²⁸.

Hoạt động thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, hình thức đa dạng, thu hút nhiều đối tượng tham gia; chất lượng phong trào từng bước được nâng lên. Tỷ lệ người tham gia tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 27%, tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao đạt 17%, có 679 câu lạc bộ thể thao, 03 nhà thi đấu cấp huyện có trên 1.000 chỗ ngồi. Tổ chức thành công Đại hội TDTT tỉnh Quảng Trị lần thứ 6, cử đoàn vận động viên tham gia thi đấu 8 môn tại Đại hội TDTT toàn quốc năm 2014. Tham gia thi đấu tại Đại hội Thể thao người khuyết tật toàn quốc năm 2014 đạt kết quả tốt. Tham gia các giải thể thao Quốc gia đạt 110 huy chương các loại.

²⁸ Đã tiến hành kiểm tra 60 lượt; nhắc nhở, cảnh cáo 24 trường hợp, xử lý vi phạm 14 trường hợp với số tiền 31 triệu đồng; thu giữ gần 100 đĩa VCD. Toàn tỉnh đã tháo dỡ trên 650 tờ dán, áp phích, băng rôn quảng cáo sai quy định...

Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế khó khăn nên lượng khách đến du lịch và thăm viếng các Di tích lịch sử giảm mạnh so với năm trước; ước số lượt khách do các đơn vị lưu trú phục vụ năm 2014 đạt 566.387 lượt, giảm 8% so với năm trước; lượt khách du lịch theo tour đạt 11.753 lượt, giảm 34,5%. số ngày khách do các đơn vị lưu trú phục vụ (chỉ tính khách ngủ qua đêm) ước đạt 407.485 ngày khách, giảm 11,8%; ngày khách du lịch theo tour 47.165 ngày khách, giảm 31,3%.

4. Lao động, việc làm và công tác an sinh xã hội:

Công tác giải quyết việc làm có những chuyển biến tích cực. Các giải pháp tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ tín dụng, tư vấn, hỗ trợ việc làm được triển khai đồng bộ. Trong năm, số lao động được tạo việc làm mới ước đạt 10.500 lao động (KH trên 9.500 lao động), tăng 1,9% so với năm trước; trong đó: Lao động nữ chiếm hơn 5.000 người, xuất khẩu lao động trên 1.039 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 41% (KH 41%); trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề 31% (KH 31%).

Công tác xoá đói giảm nghèo luôn được chú trọng. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo như: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện Đakrông theo Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ; Đề án giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao. Xây dựng, thực hiện nhiều giải pháp và mô hình giảm nghèo phù hợp với từng đối tượng nghèo. Thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”... Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm từ 11,76% năm 2013 xuống còn 9,46% năm 2014 với mức giảm 2,3% (KH giảm 2,5-3%).

Triển khai kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số và thực hiện tốt việc chăm lo, nâng cao đời sống cho các gia đình chính sách, có công, đồng bào nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là vào các dịp lễ, tết. Tổng kinh phí thực hiện chăm sóc đời sống người có công đạt trên 8,65 tỷ đồng. Trong năm 2014 đã tiến hành hỗ trợ cho 2.670 người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền hỗ trợ 74.400 triệu đồng.

5. Thông tin - Truyền thông:

Mạng lưới bưu chính, viễn thông phát triển nhanh; hạ tầng bưu chính, viễn thông từng bước được hiện đại hóa. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 8 nhà cung cấp dịch vụ bưu chính với 163 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính; 94/141 xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thị xã, thành phố có báo đến trong ngày; đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ bưu chính của các cơ quan, doanh nghiệp, người dân và công tác quốc phòng, an ninh. Trên lĩnh vực viễn thông có 7 nhà cung cấp dịch vụ viễn thông; hạ tầng mạng điện thoại cố định, di động và Internet đã phủ khắp trong toàn tỉnh. 100% xã, phường, thị trấn đã có điện thoại, sóng di động và 100% các huyện có mạng Internet tốc độ cao ADSL; 139/141 xã, phường, thị trấn đã có Internet tốc độ cao; có 1.205 trạm thu phát sóng di động (BTS); đảm bảo thông tin liên lạc thuận lợi và thông suốt.

Ước tính đến 31/12/2014, toàn tỉnh có 509.082 thuê bao điện thoại, tăng 6% so với cùng thời điểm năm trước, đạt 83 thuê bao/100 dân. Số thuê bao Internet là 45.200 thuê bao, tăng 75%; đạt 7,4 thuê bao/100 dân. Ước doanh thu bưu chính viễn thông năm 2014 đạt 700 tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm trước.

6. Khoa học - Công nghệ:

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH&CN đã đạt một số tiến bộ tích cực, trên các lĩnh vực như: khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, nông nghiệp, công nghiệp, y tế, giáo dục, các lĩnh vực công nghệ mới như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, năng lượng mới... Năm 2014, tỉnh thực hiện 21 đề tài độc lập cấp tỉnh và 11 đề tài, dự án cấp Trung ương. Hoàn thành kiểm tra tiến độ, nghiệm thu khối lượng thực hiện các đề tài, dự án năm 2013. Kết quả các nhiệm vụ KH&CN đã tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn của các đơn vị, địa phương; góp phần thiết thực để cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn, ứng dụng các tiến bộ KH&CN, chuyển giao công nghệ, các giải pháp hữu ích trong hoạt động của các đơn vị, địa phương. Một số kết quả của nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo Nghị định thư với tỉnh Salavan- CHDCND Lào cơ bản đã hoàn thành, tiến đến tổng kết và bàn giao kết quả cho tỉnh bạn theo quy định.

Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân được triển khai toàn diện, đóng góp tích cực trong việc từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, chống gian lận thương mại, hạn chế việc sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, đặc biệt là những doanh nghiệp vừa và nhỏ, những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực gắn với thế mạnh của tỉnh; xây dựng, xác lập và phát triển thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh và xác định chỗ đứng của các doanh nghiệp Quảng Trị trên thị trường.

Năm 2014, có trên 100 lô hàng nhập khẩu đã được kiểm tra chất lượng; 15 đợt kiểm tra và phối hợp kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; với trên 2500 phương tiện đo được kiểm định và gần 4000 mẫu hàng hóa được thử nghiệm. Tổ chức, thực hiện cuộc thanh tra diện rộng chuyên đề năm 2014 về phương tiện đo nhóm 2 và an toàn bức xạ của thiết bị x quang y tế tại 29 đơn vị. Hỗ trợ cho 07 doanh nghiệp đổi mới, ứng dụng tiến bộ KH&CN nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp; phối hợp với các khai kiểm tra về thủ tục cấp phép X quang cho 10 đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tư vấn cho 12 đơn vị đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp; phối hợp hỗ trợ cơ quan hữu quan ở trung ương và địa phương tiến hành các hoạt động hỗ trợ xác lập chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các loại nông sản chủ lực nổi tiếng của Quảng Trị như: cà phê chè vùng Hướng Hoá, hạt tiêu Quảng Trị...

7. Tài nguyên - Môi trường:

Tổ chức triển khai thi hành Luật Đất đai 2013 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2014), UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện chỉ thị số 01 của Thủ tướng Chính phủ và chương trình hành động số 89 của Tỉnh ủy, tổ chức hội nghị

phổ biến hướng dẫn Luật đất đai 2013. Hoàn thành công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, tỉnh giai đoạn 2011-2020, ban hành 4 văn bản quy phạm pháp luật về thi hành luật đất đai 2013 thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; làm việc với Bộ ngành Trung ương để trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Quảng Trị (đến nay Chính phủ đã phê duyệt tại Nghị quyết số: 81/NQ-CP ngày 12/11/2014); Ban hành bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo luật Đất đai 2013; Ban hành kế hoạch thực hiện Chi thị số 18 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tập trung chỉ đạo giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1, tiếp tục triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 92% số giấy cần cấp. Tăng cường rà soát công tác giao đất, thu hồi đất đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm.

Triển khai đề án cam kết bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh, xây dựng bộ chỉ tiêu môi trường. Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 35 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và chương trình hành động số 89 của Tỉnh ủy, kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm cải thiện môi trường và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Đã hoàn thành khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường 5 công trình (3 bãi rác, 2 điểm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật). Tập trung công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức trên phương tiện thông tin đại chúng, mít tinh, hội thi...

Điều tra phân loại các cơ sở, các điểm ô nhiễm môi trường (41 cơ sở, 52 điểm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật). Thực hiện dự án hành lang bảo tồn đa dạng sinh học tiểu vùng sông Mê Kông giai đoạn 2 (BCC). Xây dựng các mô hình xử lý chất thải rắn ở các xã xây dựng nông thôn mới.

Triển khai thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; Ban hành các quy định về hoạt động khoáng sản và quản lý khai thác đất san lấp công trình. Tuyên truyền phổ biến pháp luật tài nguyên nước Ban hành bộ thủ tục hành chính về khoáng sản và tài nguyên nước; Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các đối tượng khai thác trái phép khoáng sản, vi phạm Luật Khoáng sản. Tổ chức khoanh định khu vực cấm tạm cấm hoạt động khoáng sản trình Thủ tướng Chính phủ, khoanh định khu vực phân tán nhỏ lẻ, khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, lập quy hoạch thăm dò khai thác khoáng sản, triển khai thực hiện Nghị định 203 của Chính phủ về tình hình cấp quyền khai thác khoáng sản.

Tăng cường quản lý, khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn; nâng cao năng lực quản lý rủi ro thiên tai; triển khai thực hiện và ban hành các văn bản quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo như: Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 về chiến lược quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; kế hoạch 1092/QĐ-UBND ngày 04/6/2014 thực hiện Quyết định 1570/QĐ-TTg ngày 06/9/2013 của Thủ

tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030.

III. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT.

1. Công tác tổ chức, xây dựng Chính quyền, cải cách hành chính và tôn giáo

Công tác xây dựng chính quyền, tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng được quan tâm. Đã xây dựng, ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của một số đơn vị mới thành lập. Triển khai các nội dung của Kế hoạch số 3196/KH-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tình giai đoạn 2013-2015 và kế hoạch số 1902/KH-UBND ngày 13/6/2014 về cải cách chế độ công vụ, công chức năm 2014 theo Quyết định 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Thẩm định đề án vị trí việc làm của các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2014; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCC cấp xã năm 2014 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ... Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng kiến thức chương trình chuyên viên chính. Thẩm định hồ sơ trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các trường hợp diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý; phê duyệt quy hoạch cán bộ diện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý đối với một số đơn vị... Phân bổ chỉ tiêu tạo nguồn nhân lực cùng đào tạo, bồi dưỡng sau Đại học theo Nghị quyết 12 của HĐND tỉnh và Quyết định 23 của UBND tỉnh giai đoạn 2013-2015. Thực hiện tuyển thẳng theo chính sách thu hút của tỉnh 71 người (trong đó có 12 thạc sĩ, 37 đại học loại giỏi, 14 bác sĩ). Đã và đang thỏa thuận thống nhất để các Sở, ngành, địa phương tổ chức tuyển dụng 573 viên chức. Hoàn thành vị trí chức danh để tuyển dụng 35 công chức và 156 chỉ tiêu hợp đồng tạo nguồn nhân lực cho các Sở, Ban, ngành, địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính thông qua các hoạt động như: ban hành 6 quyết định công bố công khai thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực, trong đó có 39 thủ tục hành chính quy định mới, 159 thủ tục sửa đổi và 34 thủ tục hủy bỏ; thực hiện rà soát, đơn giản hóa 232 thủ tục hành chính; ban hành Quyết định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết công việc tại Sở Ngoại vụ; Hoàn thiện Đề án triển khai cơ chế một cửa liên thông theo hướng hiện đại tại UBND cấp huyện; Kiểm tra việc thực hiện CCHC tại các Sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố để có giải pháp phối hợp với khả năng và nguồn lực của tỉnh; Quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2013 của các cơ quan, đơn vị; tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh thực hiện CCHC năm 2014 tại các cơ quan, đơn vị; thực hiện chương trình hành động duy trì và củng cố chỉ số PAPI của tỉnh...

Công tác xây dựng chính quyền địa phương và địa giới hành chính tiếp tục được quan tâm. Ban hành Quyết định quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản,

khu phố. Hướng dẫn bố trí số lượng, chức danh CBCC xã, phường, thị trấn. Hướng dẫn việc tuyển chọn, bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, khu phố. Khảo sát thành lập thị trấn Mỹ Chánh, mở rộng thị trấn Hải Lăng, thành lập đô thị tại xã A Túc, Hướng Phùng và các phương án quy hoạch chung thị trấn Bồ Bản, huyện Triệu Phong, hoàn thiện hồ sơ thủ tục Đề án mở rộng thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh trình Bộ Nội vụ và Chính phủ.

Về Tôn giáo: Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt các vấn đề thuộc lĩnh vực tôn giáo theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đã xem xét giải quyết 24 trường hợp liên quan đến tôn giáo. Thực hiện cấp phép xây dựng 02 cơ sở thờ tự của Phật giáo, 01 cơ sở thờ tự của Công giáo; xem xét đề xuất chủ trương giao đất, giao đất bổ sung cho các niệm Phật đường và giáo xứ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các đoàn đi thăm và tặng quà một số tổ chức và chức sắc các tôn giáo, lực lượng cốt cán, gia đình tín đồ tiêu biểu, có công với nước, gia đình chính sách là người có đạo nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2014, đại lễ Phật đản Liên hợp quốc Vesak 2014...

Phong trào thi đua yêu nước của tỉnh đã mang lại hiệu quả thiết thực. UBND tỉnh tặng thưởng Cờ thi đua cho 29 tập thể và tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 765 tập thể, cá nhân; tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, đơn vị quyết thắng cho 106 tập thể, tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho 56 cá nhân. UBND tỉnh đã trình cấp có thẩm quyền khen thưởng 176 Huân chương các loại; 09 Cờ thi đua của Chính phủ; 07 cá nhân đề nghị phong tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, 67 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, trình Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương danh hiệu vinh dự nhà nước cho 337 “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” và 01 tập thể “Anh hùng lao động”.

2. Hoạt động tư pháp:

Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp đã được quan tâm thực hiện. UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định về Chương trình xây dựng Văn bản quy phạm pháp luật và Quy chế kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện tốt công tác xây dựng văn bản. Đã thực hiện kiểm tra, tự kiểm tra 42 văn bản quy phạm pháp luật do UBND và HĐND cấp tỉnh, cấp huyện ban hành. Tổ chức tuyên truyền, triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Luật Hòa giải cơ sở. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ tuyên truyền viên trong lực lượng thanh niên và các hòa giải viên. Đã hòa giải thành công 608/750 vụ việc, đạt tỷ lệ 81%. Công tác hộ tịch, quốc tịch và quản lý lý lịch tư pháp được giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền. Đã thực hiện 3.146 trường hợp công chứng chứng nhận hợp đồng dân sự và các trường hợp khác, tổng số phí thu được là 652,6 triệu đồng. Đã tổ chức 85 phiên bán đấu giá tài sản với tổng giá trị tài sản bán được 55,7 tỷ đồng, tăng thu so với giá khởi điểm 3,9 tỷ đồng. Mạng lưới công tác viên trợ giúp pháp lý cơ sở ngày càng phát huy hiệu quả, có 17/81 câu lạc bộ được hỗ trợ kinh phí để hoạt động từ nguồn Quỹ trợ giúp pháp lý. Đã tiến hành 07 đợt khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý, tổ chức 12 đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã trên địa bàn

tỉnh, giải quyết 318 yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dân. Xây dựng và phát sóng 12 chuyên mục “Pháp luật và đời sống” trên sóng Đài PT-TH tỉnh.

3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí:

Các chương trình, kế hoạch trọng tâm về thanh tra năm 2014 đã được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực hành chính, tài chính ngân sách, XD/CB, an toàn giao thông... Đã thực hiện 34 cuộc thanh tra đối với 85 đơn vị, cá nhân, tổ chức; qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý 33 đơn vị, tổ chức, cá nhân có sai phạm; phát hiện 2.457,4 triệu đồng sai phạm; kiến nghị thu hồi 917,6 triệu đồng.

Các cấp chính quyền đã tiếp 225 lượt/286 người với 116 vụ việc. Nội dung tiếp công dân trong kỳ chủ yếu về các lĩnh vực như đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, chế độ chính sách, tố cáo tham nhũng... Các ý kiến phản ánh của công dân đã được ghi nhận và có những phản hồi thỏa đáng. Các cấp hành chính đã tiếp nhận 214 đơn; trong đó có 30 đơn khiếu nại, 07 đơn tố cáo và 177 đơn kiến nghị phản ánh. Đã nghiên cứu, giải quyết các đơn thuộc thẩm quyền, lưu đơn thuộc thẩm quyền xử lý của các cơ quan chức năng để theo dõi hoặc chuyển trả những đơn, thư không đủ điều kiện xử lý.

Đã thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong đó tập trung công tác tuyên truyền, phòng ngừa và chống tham nhũng; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Đôn đốc các đơn vị kiểm tra, rà soát các đối tượng thuộc diện kê khai minh bạch tài sản thu nhập theo Nghị định số 78/2007/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ.

IV. QUỐC PHÒNG, AN NINH:

Công tác quốc phòng và an ninh tiếp tục được coi trọng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được xây dựng ngày càng vững chắc; gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Các lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng, các ngày Lễ, Tết trên địa bàn tỉnh. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập PCLB tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, diễn tập huy động tàu thuyền theo Nghị định 30 của Chính phủ năm 2014.

Chủ động nắm bắt tình hình, tuần tra, canh gác, SSCĐ, trực chiến, trực chỉ huy đảm bảo chủ động đối phó với mọi tình huống bất ngờ xảy ra; thường xuyên cảnh giác trước mọi diễn biến trên Biển Đông và vùng biển khu vực đảo Côn Cỏ trong bối cảnh Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan HD981 ở Biển Đông; rà soát các phương án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo theo Nghị định 30 của Chính phủ, chủ động chuẩn bị phương tiện và lực lượng sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới và hải đảo đã được tăng cường. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chủ động ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Công tác đấu tranh

phòng, chống tội phạm tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả.

Đã tổng kết công tác Biên giới - Cấm mốc năm 2013 và triển khai nhiệm vụ năm 2014. Hoàn thành xây dựng và nghiệm thu cụm 10 cọc dấu phụ. Tiếp tục xây dựng cụm cọc dấu phụ thứ 2 (gồm 17 cọc dấu phụ) trên toàn tuyến. Khảo sát các mốc biên giới trên toàn tuyến đã xây dựng hoàn thành đề nghị xây kè chắn bờ sung bao gồm 08 mốc có nguy cơ bị sạt lở do ảnh hưởng của thiên tai.

V. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ:

1. Những kết quả nổi bật:

- Sản xuất nông nghiệp thắng lợi, cả hai vụ sản xuất lúa đều bội thu, năng suất và sản lượng cao nhất từ trước đến nay.
- Kinh tế tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Quản lý đầu tư công chuyển biến tích cực, thu ngân sách tăng khá. Thu hút đầu tư bước đầu có hiệu quả. Cửa khẩu quốc gia La Lay được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế, mở ra một tiềm năng phát triển mới của tỉnh.
- Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, nhân dân các vùng khó khăn tiếp tục được quan tâm.
- Công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh được đổi mới tích cực theo hướng linh hoạt, nhạy bén, quyết liệt, kịp thời và có hiệu quả, đặc biệt là những giải pháp chủ yếu về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; huy động nhiều dự án ODA có mức vốn lớn...
- Quốc phòng - an ninh tiếp tục được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giảm sút. Nhận thức của một số Sở, Ban ngành về vai trò, trách nhiệm trong việc cải thiện chỉ số PCI của tỉnh còn hạn chế.
- Công tác lập quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm còn thiếu liên kết, thiếu đồng bộ do đó tính khả thi của quy hoạch còn thấp. Nhiều quy hoạch hoàn thành chưa có nguồn thanh toán. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới còn bất cập do chưa tính đến vị trí thi công các công trình theo tuyến như viễn thông, điện lực, cấp nước ...nên đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Tình hình sản xuất kinh doanh tiếp tục gặp khó khăn, số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm trong khi số doanh nghiệp đăng ký giải thể, đăng ký tạm ngừng hoạt động tăng so với cùng kỳ năm trước. Thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp chưa có dấu hiệu khởi sắc.
- Thành phần kinh tế tập thể chưa phát huy tốt vai trò. Công tác chỉ đạo củng cố, chuyển đổi, xây dựng các HTX điển hình tiên tiến chưa hiệu quả. Năng lực của một số Ban quản lý hợp tác xã còn yếu.

- Huy động vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản tiếp tục khó khăn, nợ đọng chưa được xử lý dứt điểm. Công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, chậm được tháo gỡ đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn còn lúng túng. Chưa chú trọng đào tạo nghề chuẩn bị nguồn cho xuất khẩu lao động. Công tác giảm nghèo tại một số địa phương chưa thực sự được quan tâm.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản còn hạn chế. Ô nhiễm môi trường nhiều nơi chưa được xử lý dứt điểm. Tình trạng đổ rác thải bừa bãi của nhiều người dân vẫn chưa được ngăn chặn.

- Khả năng bảo vệ chủ quyền biển, đảo còn nhiều khó khăn.

VI. ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
I. Các chỉ tiêu kinh tế			
1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	>7	6,7
- Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	>2	3,4
- Khu vực công nghiệp - xây dựng	%	>8	7,3
- Khu vực dịch vụ	%	>9	8,1
2. GDP bình quân đầu người	Tr đồng	29	29,7
3. Kim ngạch xuất khẩu	Tr USD	135	190,5
4. Kim ngạch nhập khẩu	Tr USD	160	215
5. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	>8.500	9.044
6. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	1.616	2.190
Trong đó: - Thu nội địa	Tỷ đồng	1.030	1.236
- Thu XNK	Tỷ đồng	586	954
7. Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	5.015	5.923
8. Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	23,5	27
9. Trồng mới rừng tập trung	Ha	5.500	5.500
10. Diện tích trồng mới cây công nghiệp dài ngày	Ha	1.000	620
- Cà phê	Ha	150	150
- Cao su	Ha	700	300
- Hồ tiêu	Ha	150	170
11. Sản lượng thủy sản	Tấn	26.000	29.550

12. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và DTDV	Tỷ đồng	20.500	19.516
II. Các chỉ tiêu xã hội			
13. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS	%	100	100
14. Phổ cập mầm non 5 tuổi		Hoàn thành	Hoàn thành
15. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	41	41
TĐ: Đào tạo nghề	%	31	31
16. Tạo việc làm mới	Người	>9.500	10.500
17. Mức giảm tỷ suất sinh	‰	>0,5	0,4
18. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,5-3	2,3
19. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	<15,5	15,5
III. Các chỉ tiêu môi trường			
20. Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	48,3	48,3
21. Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	%	85	85
22. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	87,2	86

Như vậy, có 6/22 chỉ tiêu dự kiến đạt thấp so với kế hoạch đề ra là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Diện tích trồng mới cây công nghiệp dài ngày; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và DTDV; Mức giảm tỷ suất sinh; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo và Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh. Các chỉ tiêu còn lại đều có khả năng đạt hoặc vượt so với kế hoạch đề ra.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2015

Năm 2015 là năm có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh; là năm tạo tiền đề và điều kiện quan trọng để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016-2020 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI.

I. Mục tiêu tổng quát:

Huy động mọi nguồn lực để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 7%. Từng bước thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó với

biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (theo GDP) đạt trên 7% so với năm 2014, trong đó: nông lâm ngư nghiệp tăng >3%; công nghiệp xây dựng tăng >8%; dịch vụ tăng >8%.

- GDP bình quân đầu người đạt 34 triệu đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 210 triệu USD, tăng 10% so với năm 2014.

- Kim ngạch nhập khẩu đạt 230 triệu USD tăng 7% so với năm 2014.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 9.000 tỷ đồng, tương đương năm 2014.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 2.439,667 tỷ đồng, tăng 10,5% so với dự toán Trung ương giao, tăng 11,3% so với ước thực hiện năm 2014; trong đó thu xuất nhập khẩu 1.100 tỷ đồng, thu nội địa 1.339,667 tỷ đồng (không kể khoản thu tiền sử dụng đất 186,5 tỷ đồng, thu nội địa tăng 16,8% so với dự toán Trung ương, tăng 16,1% so với ước thực hiện 2014)

- Tổng chi ngân sách địa phương 5.440, 214 tỷ đồng, bằng 91,84% so với ước thực hiện năm 2014.

- Sản lượng lương thực có hạt 23,5 vạn tấn.

- Trồng mới rừng tập trung: 5.500 ha.

- Diện tích trồng mới cây công nghiệp dài ngày 1.030 ha (trong đó Cà phê: 100 ha, Cao su: 700ha; Hồ tiêu: 230 ha)

- Sản lượng thủy hải sản đạt 32.000 tấn.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới 16%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 22.000 tỷ đồng, tăng 14% so với ước thực hiện năm 2014.

2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Cùng cố vững chắc thành quả phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiểu học và THCS. Phần đầu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 92%, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học đạt 100% và THCS đạt 95,6%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 43%, trong đó qua đào tạo nghề 32%.

- Tạo việc làm mới cho trên 9.500 lao động, trong đó có 850-900 lao động xuất khẩu.

- Mức giảm tỷ suất sinh xuống dưới 0,5‰.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 2,5-3%, trong đó đối với huyện nghèo và các xã nghèo giảm 3,5-4%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 15%.

3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng xấp xỉ 50%

- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch 86%.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 87%.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom 92%.

III. Nhiệm vụ phát triển các ngành, lĩnh vực:

1. Về lĩnh vực kinh tế:

a. Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới:

Rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm phát triển toàn diện, bền vững, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTHĐ thực hiện chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Chương trình kế hoạch hành động phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh và ứng phó với biến đổi khí hậu... làm cơ sở điều chỉnh chiến lược tái cơ cấu nông nghiệp phù hợp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động, lồng ghép nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện công tác quy hoạch xây dựng xã NTM theo đề án đã được phê duyệt; thực hiện việc cắm mốc chỉ giới quy hoạch; xây dựng và công khai quy chế quản lý quy hoạch. Triển khai việc xây dựng các quy hoạch chi tiết ở các xã. Đầu tư, cải tạo làm chuyển biến một bước hệ thống cơ sở hạ tầng cấp xã; tiếp tục ưu tiên xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, thiết yếu dân sinh bao gồm: Giao thông, thủy lợi, Y tế, giáo dục, nước sạch và vệ sinh môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án phát triển vùng trọng điểm sản xuất hàng hóa nông sản chất lượng cao, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ và gắn với đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã, chiến lược quy hoạch vùng. Phân đấu số xã cơ bản đạt 19 tiêu chí: 19 xã; Số xã đạt từ 15- 18 tiêu chí: 35 - 41 xã; số xã đạt từ 13- 14 tiêu chí: 35 - 36 xã; số xã đạt từ 10- 12 tiêu chí: 23-24 xã; Không còn xã dưới 10 tiêu chí. Từng bước xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, tạo sự chuyển dịch trong cơ cấu giá trị cây lương thực. Phân đấu mở rộng diện tích lúa chất lượng cao lên 15.000 ha.

Thực hiện quy hoạch chuyển đổi rừng sản xuất và đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp hiệu quả thấp sang trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chương trình tái canh và thâm canh các loại cây công nghiệp: Cao su, cà phê, hồ tiêu gắn với chế biến, thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu hàng hóa.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại, gia trại tập trung gắn với an toàn sinh học và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. Phân đấu sản lượng thịt hơi các loại 36.000 tấn. Tập trung đầu tư xây dựng vùng giống nhân dân, trước hết là các giống chủ lực (lợn, bò); Triển khai có hiệu quả chương trình giống vật nuôi và thực hiện tốt việc nuôi giữ và nhân các giống có lợi thế của địa phương, bảo đảm các giống đưa vào sản xuất đã qua chọn lọc được đánh giá, bình tuyển.

Triển khai quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng đến tận hộ nông dân để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc rừng. Khai thác gỗ rừng trồng, lâm

sản ngoài gỗ một cách hợp lý và bền vững. Đẩy mạnh việc trồng rừng theo tiêu chuẩn, tiêu chí của FSC. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh, chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh và an toàn môi trường nuôi thủy sản. Khuyến khích ngư dân đóng mới, mua mới tàu xa bờ, cải hoán và nâng cấp tàu thuyền mua sắm ngư lưới cụ vược khơi đánh bắt dài ngày hiệu quả. Giảm dần loại tàu có công suất 30CV trở xuống. Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 375/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản; Nghị định 67/2014/NĐ-CP về chính sách phát triển thủy sản và Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên vùng biển xa

Tiếp tục phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản. Đầu tư phát triển các chương trình, dự án phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng, đầu tư bổ sung Dự án Khu neo đậu và tránh trú bão Cửa Việt phía bờ bắc, sửa chữa và hoàn thiện cảng cá và Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Cồn Cỏ.

Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp và chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh. Tăng cường nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống đê kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các khu tái định cư vùng sạt lở, sụt lún, vùng lũ ống, lũ quét nguy hiểm.

b. Phát triển công nghiệp - xây dựng:

Hoàn thành Quy hoạch phát triển các dự án có nhu cầu sử dụng khí; lập khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, Quy hoạch phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ triển khai dự án điện nông thôn. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

Tập trung đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, KCN Nam Đông Hà, KCN Quán Ngang và các cụm công nghiệp, làng nghề.

Hỗ trợ hoàn thiện các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện than 1.200 MW, nhà máy sản xuất bao bì thủy tinh tại khu Đông Nam Quảng Trị, dự án cấp nước sông Nhùng theo hình thức PPP, dự án phát triển hạ tầng Khu Đông Nam Quảng Trị và cảng Mỹ Thủy để tạo động lực, tiền đề hình thành khu kinh tế Đông Nam. Tiếp tục thu hút các dự án chế biến gỗ rừng trồng, dệt may...; hỗ trợ nhà đầu tư đưa các sản phẩm của nhà máy MDF Geruco dây chuyền 2, gạch không nung, viên nén năng lượng vào thị trường, từng bước xây dựng thương hiệu.

Khuyến khích ứng dụng công nghệ không nung trong sản xuất vật liệu xây dựng, công nghệ cao và nâng cấp, đổi mới thiết bị sản xuất đối với các dây chuyền chế biến gắn với vùng nguyên liệu tạo ra các sản phẩm hàng hóa xuất

khâu, sản phẩm thân thiện với môi trường; triển khai chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, chương trình tiết kiệm năng lượng và hiệu quả.

Tăng cường công tác quản lý các dự án thủy điện nhỏ và an toàn đập; bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; thực hiện các công tác quản lý chuyên ngành như kiểm tra tình hình chấp hành các quy định về vật liệu nổ, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, khuyến mại, an toàn kỹ thuật công nghiệp, hóa chất...

c. Phát triển thương mại - dịch vụ:

Tiếp tục triển khai Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2011 - 2015. Phát triển mạnh thị trường tiêu thụ nông thôn, tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đảm bảo hàng hoá lưu thông thuận lợi, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

Tiếp tục phát triển mạng lưới chợ nông thôn. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng các chợ Nam Đông, chợ Cửa và Chợ Mỹ Chánh trong năm 2015. Thu hút đầu tư xây dựng các Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng miền núi vùng sâu vùng xa. Tổ chức các hoạt động hội thảo, hội chợ, quảng bá thương hiệu cho hàng hóa doanh nghiệp trong tỉnh. Tăng cường kết nối doanh nghiệp vừa và nhỏ trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây.

Tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây góp phần thúc đẩy hàng hóa xuất nhập khẩu hai chiều qua tuyến đường 9. Tăng cường đấu tranh phòng chống, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại và các vi phạm về giá để ổn định thị trường.

Tiếp tục đầu tư, xây dựng các kết cấu hạ tầng khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, khu dịch vụ - du lịch Cửa Việt. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, Ngành TW để có biện pháp tháo gỡ các vướng mắc về chủ trương, chính sách đối với Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác và phát huy lợi thế của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

Kiểm tra, nắm bắt tình hình, đề xuất giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để tháo gỡ khó khăn. Từng bước xây dựng văn hóa kinh doanh cho các hộ tiểu thương nhằm nâng cao uy tín và thương hiệu các trung tâm thương mại lớn của tỉnh như Chợ Đông Hà, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, v.v...

Hoàn thiện đề án thành lập khu kinh tế La Lay để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d. Giao thông vận tải:

Hoàn thành cầu Cam Hiếu; thông xe kỹ thuật cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu. Hoàn thành đường nối cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A. Tìm kiếm nguồn vốn để sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng cầu An Mô. Đẩy nhanh tiến độ thi công đường từ xã Tân Long đi A Dơi (km15-km30). Kêu gọi đầu tư vào cảng Mỹ Thủy. Tiếp tục quản lý tốt vận tải và kiểm soát tải trọng xe. Phấn đấu giảm tai nạn giao thông về cả 3 tiêu chí. Phối hợp tốt giữa các Sở, Ban ngành và địa phương thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng.

Mở thêm một số tuyến vận tải chất lượng cao: Đông Hà - Huế; Đông Hà - Đà Nẵng; Đông Hà - Savanakhet; Lao Bảo - Pakxé; các tuyến vận tải hành khách

ưu tiên tuyến phục vụ miền núi: Tân Long - Lìa - Pa Tầng; Khe Sanh - Hường Phùng; tuyến vận tải du lịch thủy nội địa: Đông Hà - Cửa Việt - Cồn Cỏ. Phần đầu doanh thu ngành vận tải dự kiến năm 2015 là 990 tỷ đồng tăng 10% so với năm 2014.

Áp dụng đồng bộ các biện pháp như: vận động, tuyên truyền, kiểm tra, giải toả lẩn chiếm lòng, lè đường, vỉa hè... nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm chế và hạn chế tới mức thấp nhất tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn.

e. Thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác:

Triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại theo Chỉ thị 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND tỉnh. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của UBND tỉnh về tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế đến 2010 có tính đến 2015. Đẩy mạnh và tăng cường quan hệ hợp tác với các tỉnh của nước bạn Lào, Thái Lan trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây. Tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình Hội nhập kinh tế quốc tế tại địa phương trong bối cảnh Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) hình thành trong năm 2015. Chủ động nghiên cứu, tham mưu Tỉnh ủy, Ban Kinh tế Trung ương để đề xuất Bộ Chính trị, Chính phủ ban hành các quy định, chính sách, cơ chế, giải pháp đột phá về kinh tế giúp Quảng Trị cải thiện tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường thu hút, vận động tài trợ các dự án ODA đã có chủ trương của Chính phủ và nhà tài trợ, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị thủ tục để ký kết Hiệp định đối với các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục tài trợ năm 2011-2015, xây dựng đề cương theo khung hướng dẫn của Chính phủ để vận động các dự án ODA giai đoạn 2016-2020. Tích cực xây dựng kế hoạch để triển khai chương trình Hạnh phúc tỉnh Quảng Trị do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ theo chỉ đạo của Tổng Bí thư và Thủ tướng Chính phủ. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA đã hoàn thành năm 2014 còn thiếu vốn và các dự án hoàn thành năm 2015 để đưa vào sử dụng, đảm bảo cam kết với nhà tài trợ và tạo thuận lợi cho việc vận động các dự án mới. Chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương xây dựng đề cương chi tiết, chuẩn bị văn kiện, chương trình, dự án; đẩy mạnh thực hiện và giải ngân các chương trình, dự án ODA, bảo đảm kết thúc các dự án đúng thời hạn cam kết và chuẩn bị cho các chương trình, dự án cho giai đoạn tiếp theo.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Xúc tiến, vận động viện trợ phi Chính phủ giai đoạn 2014-2017 trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng định hướng thu hút đầu tư trong và ngoài nước phù hợp với định hướng của Chính phủ và điều kiện thực tế của tỉnh; rà soát sửa đổi bổ sung chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh.

Tăng cường công tác kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình/dự án ODA, NGO, FDI và các dự án đầu tư trong nước. Tích cực tháo gỡ khó khăn, xử lý tốt các vướng mắc cho các nhà đầu tư đang thực hiện đầu tư trên địa bàn; quan tâm hỗ trợ các dự án đang hoạt động có hiệu quả. Thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại các dự án đầu tư đã cấp phép. Kiên quyết rút giấy phép đối với những dự án không có khả năng triển khai thực hiện.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh, cải cách thủ tục hành chính về cấp phép đầu tư; kiên toàn công tác tổ chức xúc tiến đầu tư và tăng cường đào tạo cán bộ xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp; làm tốt công tác hướng dẫn cho các nhà đầu tư, phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đầu tư sau khi được cấp phép; triển khai thực hiện các giải pháp đã được đề cập trong Chương trình Hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020 nhằm thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thực hiện dự án.

Hỗ trợ phát triển mới và nâng cấp website cho doanh nghiệp. Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện việc kết nối thông tin giữa hệ thống đăng ký doanh nghiệp Quốc gia và hệ thống thông tin thuế nhằm cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp theo hướng “một cửa liên thông”. Chú trọng triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư nhằm trợ giúp các DNNVV mở rộng, tìm kiếm thị trường, cơ hội đầu tư trong và ngoài nước. Tăng cường hoạt động trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV, kể cả đối tượng là chủ và người lao động trong doanh nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp xây dựng, thành lập các hiệp hội doanh nghiệp, hội nghề nghiệp, câu lạc bộ doanh nghiệp nhằm tạo mối liên kết hữu cơ, cộng đồng trách nhiệm và quyền lợi giữa các DNNVV với nhau và với các doanh nghiệp trong khu vực, trong việc liên kết sản xuất kinh doanh, thị trường, huy động vốn... Tăng cường công tác hậu kiểm doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh. Tổ chức thực hiện nghiêm Thông tư Liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 của Bộ KHĐT và Bộ Tài chính Hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các DNVVV và Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Thúc đẩy mạnh mẽ các giải pháp, chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển doanh nghiệp và kinh tế hợp tác. Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý thời kỳ 2011-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cùng cố và phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với Luật hợp tác xã và hoạt động theo cơ chế thị trường. Thực hiện tốt Đề án về chính sách phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2009-2015 của tỉnh.

Hoàn thiện kế hoạch chiến lược về đổi mới, phát triển HTX theo tinh thần NQ 13 TW và luật HTX 2012; phát triển các loại hình hợp tác sản xuất trong nông thôn, nhất là loại hình kinh tế trang trại; phát triển kinh tế hộ gia đình.

f. Tài chính - Ngân hàng

Tích cực tìm các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất, nuôi dưỡng và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Đẩy mạnh công tác thu, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối tượng nộp thuế. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án sản xuất có khả năng hoàn thành trong năm 2014 để sớm đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, qua đó nuôi dưỡng và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển quỹ đất để đấu giá bổ sung nguồn thu cho ngân sách. Phần đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2015 đạt 2.439,667 tỷ đồng, tăng 10,5% so với dự toán TW giao, tăng 11,3% so với ước thực hiện năm 2014; trong đó, thu nội địa (không kể khoản thu tiền sử dụng đất 186,5 tỷ đồng) tăng 16,8% so với dự toán TW, tăng 16,1% so với ước thực hiện 2014. Tổng chi ngân sách địa phương dự kiến năm 2015 là 5.440,214 tỷ đồng.

Thực hiện đa dạng hoá các hình thức và phương thức huy động vốn kể cả huy động bằng VNĐ và huy động ngoại tệ, chú trọng việc huy động tiền gửi tiết kiệm của dân cư, tiền gửi của khách hàng trên cơ sở thực hiện tốt dịch vụ thanh toán. Chú trọng tăng trưởng tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu. Tăng cường công tác an toàn kho quỹ. Tăng cường củng cố nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong đó đặc biệt chú ý là giảm nợ xấu, khắc phục kịp thời các rủi ro phát sinh nhằm nâng cao chất lượng các mặt công tác đảm bảo an toàn trong hoạt động. Phần đấu năm 2015, huy động vốn tăng trưởng đạt 18-20% so với năm 2014; tăng trưởng tín dụng 12 - 14% so với năm 2014. Phần đấu năm 2015, huy động vốn tăng trưởng đạt 14-16% so với năm 2014; dư nợ tín dụng 12 - 14% so với năm 2014.

2. Về lĩnh vực xã hội:

a. Giáo dục và Đào tạo:

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của BCH Đảng bộ Tỉnh khóa XV thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”, kết hợp triển khai quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 triển khai rộng rãi trong toàn ngành.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở các cấp học và bậc học. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án phát triển giáo dục và đào tạo. Giữ vững phổ cập THCS, tiếp tục thực hiện đề án phổ cập THPT, hoàn thành phổ cập mầm non 5 tuổi đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt chủ trương “Đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục”. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo. Khuyến khích phát triển các mô hình trường nuôi dạy trẻ, trường mẫu giáo tư thục, trung tâm tin học, trung tâm ngoại

ngữ, trường dạy nghề, trường THPT dân lập... Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, thiết lập kỷ cương trường, lớp học...

Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên vừa đáp ứng yêu cầu trình độ chuyên môn vừa đảm bảo đủ tỷ lệ giáo viên trên các cấp học, bậc học theo qui định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị trường học. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo; chính sách kiên cố hóa trường lớp học, hỗ trợ xây dựng nhà ở giáo viên, nhà bán trú dân nuôi cho học sinh vùng khó; thực hiện đề án luân chuyển cán bộ giáo viên vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Nâng cao chất lượng đào tạo các trường dạy nghề, từng bước xây dựng cơ sở vật chất cho các trường Cao đẳng sư phạm, Trung học y tế, Trung học Nông nghiệp; Thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề... nhằm thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 7-NQ/TU ngày 20/4/2007 của Tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2007-2015.

b. Về đời sống dân cư, lao động, việc làm, xoá đói giảm nghèo:

Thực hiện lồng ghép các nguồn lực nâng cao hiệu quả tổng hợp Chương trình giảm nghèo bền vững, trọng tâm là Nghị quyết 30a của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 13/04/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm xoá đói giảm nghèo trong các cấp, các ngành và bản thân người nghèo; tổng kết và nhân rộng các mô hình, điển hình, các cách làm ăn có hiệu quả phù hợp với từng vùng, địa phương, tăng cường cán bộ làm công tác XĐGN cho các xã ĐBKK miền núi; đồng thời có chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách làm công tác XĐGN và giải quyết việc làm cấp xã, phường, thị trấn. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, chính sách di dân, tái định cư cho đồng bào du canh, du cư, trung tâm cụm xã. Phân đầu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 2,5-3%.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh giai đoạn 2011 - 2020; Đề án một số chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh giai đoạn 2012-2020. Triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020; Đề án 1080/ĐA-UBND của UBND tỉnh về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình đào tạo nghề cho người lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với việc giải quyết việc làm sau đào tạo nghề. Nâng cao hiệu quả hoạt động của sản giao dịch việc làm nhằm tăng cường công tác giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong sản xuất, kinh doanh. Thực hiện tốt công tác tuyển sinh, đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề

c. Khoa học công nghệ:

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2020; Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 về phê duyệt Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của UBND tỉnh. Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách ứng dụng, nhân rộng kết quả các đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình KH&CN trên các ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

Tổng kết đánh giá thực trạng một số lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh như phát triển cây công nghiệp dài ngày (cà phê, cao su, hồ tiêu); nuôi trồng thủy sản và sản xuất vật liệu xây dựng; các chính sách về kinh tế... Trên cơ sở đó, lựa chọn mục tiêu phát triển phù hợp, đề xuất các giải pháp, định hướng đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong các lĩnh vực này.

Thực hiện chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Triển khai áp dụng theo lộ trình Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước cấp phường, xã, thị trấn. Triển khai thực hiện Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo.

Chủ động mở rộng hợp tác KH&CN với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về KH&CN với CHDCND Lào và Thái Lan.

d. Công tác dân số, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ trẻ em:

Tập trung thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, Dân số-KHHGD, phòng chống HIV/AIDS, tiêm chủng mở rộng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cho y tế. Kiểm tra, rà soát những vấn đề phát sinh, chưa phù hợp của các dự án đầu tư hệ thống bệnh viện tuyến huyện xử lý dứt điểm trong năm 2015. Hoàn thành Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh Phổi; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các trung tâm y tế tuyến huyện, đồng thời tiếp tục hỗ trợ đầu tư các trạm y tế xã theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm người cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ em dưới 6 tuổi; khám chữa bệnh cho

người nghèo. Quản lý chặt các hoạt động hành nghề y dược tư nhân và kinh doanh thuốc, dược phẩm.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh về hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở và Nghị quyết đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động y tế, khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập, mở rộng các hình thức chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng dân cư; phấn đấu tỷ lệ trạm y tế xã phường có bác sĩ đạt trên 85% năm 2015, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo chuẩn mới đạt 60%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi dưới 15%.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 về chính sách dân số-KHHGD đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thông, quản lý dân số, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và KHHGD. Mở rộng mô hình xây dựng Làng không có người sinh con thứ 3 trở lên. Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 0,5‰ và đạt tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%. Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư và tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác dân số ở các vùng có mức sinh cao, vùng miền núi, vùng biển và ven biển.

Chú trọng công tác phòng chống dịch; kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt, đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và khống chế dịch bệnh, phòng chống HIV/AIDS, tiêm chủng mở rộng.

e. Phát triển văn hoá - thể thao - du lịch và thông tin - truyền thông:

Triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 về xây dựng nền văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hoá cơ sở” và cuộc vận động xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc; chiến lược về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; ngăn chặn tình trạng bạo lực gia đình.

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao mừng Đảng, mừng Xuân, chào mừng kỷ niệm 40 năm thống nhất đất nước, 70 năm ngày Quốc Khánh, 125 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chào mừng Đại hội Đảng các cấp...

Triển khai đạt hiệu quả việc sử dụng nguồn đầu tư từ CTMTQG về văn hoá, vốn hỗ trợ có mục tiêu đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch và các nguồn vốn hỗ trợ khác của Nhà nước. Chú trọng hơn nữa công tác đầu tư các thiết chế văn hoá, thể thao theo Nghị quyết 05/2009/NQ-HĐND, Nghị quyết 04/2012/HĐND của HĐND tỉnh, ưu tiên các xã được chọn xây dựng nông thôn mới. Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về đầu tư bảo tồn, tu bổ, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020; Đẩy mạnh công tác xã hội hoá văn hoá, thể dục thể thao, du lịch thu hút nguồn lực phát triển sự nghiệp ngành.

Triển khai tích cực, hiệu quả việc thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Quảng Trị đến năm 2020; Quy hoạch phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ; Các thoả thuận về hợp tác phát triển Du lịch các địa phương trên tuyến Hành lang

kinh tế Đông - Tây. Hoàn thành lập Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn 2030...

Tập trung chỉ đạo phát triển mạnh các loại hình du lịch hoài niệm, sinh thái biển; Khắc phục hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu du lịch biển gắn với tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch; Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ khu liên kết Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, dịch vụ du lịch bên ngoài Thành cổ Quảng Trị, Địa đạo Vịnh Mốc và các khu du lịch.

Tập trung đầu tư xây dựng các công trình của các dự án Thành cổ Quảng Trị (giai đoạn 2), cơ sở hạ tầng các điểm du lịch, Bảo tồn Bản truyền thống dân tộc Vân Kiều tại thôn Kalu (Đakrông), Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc Vân Kiều - Pa Cô huyện Đakrông và Hướng Hóa ...

Coi trọng các hoạt động thể thao quần chúng; quan tâm đầu tư phát triển thể thao thành tích cao ở những bộ môn có lợi thế.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông, nhất là đối với việc cung cấp dịch vụ internet và trò chơi điện tử. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước gắn với cải cách và hiện đại hóa nền hành chính, đảm bảo an toàn và bí mật thông tin. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa... Thực hiện tốt việc định hướng thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh để phát huy hiệu quả tuyên truyền.

3. Tài nguyên môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Đẩy mạnh công tác đo đạc lập bản đồ địa chính những khu vực có biến động lớn, triển khai thực hiện công tác kiểm kê đất đai đúng thời hạn; thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho các thị trấn: Hồ Xá, Gio Linh, Cửa Tùng, Cửa Việt, Hải Lăng... Tập trung điều tra cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất tạo nguồn tăng thu ngân sách tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài nguyên đất, tập trung cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm.

Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và nước. Tiếp tục đẩy mạnh việc kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, thăm dò, khai thác khoáng sản. Quản lý tổng hợp các hoạt động khai thác tài nguyên biển và môi trường biển, nhất là bảo vệ diện tích rừng dọc theo bờ biển. Thực hiện khai thác phải đi đôi với bảo vệ, tái tạo các nguồn lợi thủy hải sản, hạn chế việc khai thác thủy hải sản ven bờ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về biển, đảo.

Tổ chức thực hiện tốt các đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để làm tốt công tác dự báo, cảnh báo thiên tai; hệ thống quan trắc môi trường và phân tích môi trường, khí hậu, mực nước biển; nghiên cứu điều tra cơ bản về địa chất, thủy văn, tai biến địa chất. Chú trọng đầu tư xây dựng các công trình phòng tránh, nâng cao năng lực phòng tránh và khắc phục hậu quả thiên tai. Tổ

chức các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình xử lý môi trường sau đánh giá tác động môi trường. Kiểm tra xác nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ trên địa bàn tỉnh. Giám sát các nguồn xả thải vào nguồn nước. Cập nhật Bộ chỉ thị môi trường tỉnh. Thiết lập hành lang và bảo tồn đa dạng sinh học. Tăng cường công tác quản lý, ngăn ngừa, giám sát sự xâm nhập đối với các loài sinh vật ngoại lai xâm hại. Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

Tiếp tục thực hiện chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng và thực hiện các dự án di dân vùng lũ, vùng nguy cơ sụt lún cao, triển khai dự án thí điểm tránh lũ cho các xã vùng trũng; Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi tiêu úng, thoát lũ; xây dựng các tuyến đê sông, đê biển, kè chống xói lở; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, từng bước hạn chế tối đa ảnh hưởng và thiệt hại do thiên tai gây ra.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020. Nhân rộng cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND cấp huyện gắn với rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính hiện hành. Triển khai thực hiện Bộ chỉ số cải cách hành chính, Bộ chỉ số đánh giá hoạt động của Bộ phận một cửa cấp huyện.

Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí biên chế của cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, UBND huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả; trong đó chú trọng việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức theo Nghị định số 41/2012/NĐ-CP và Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Rà soát hệ thống trường lớp các cấp học, cơ sở dạy nghề, cơ sở y tế, cơ sở văn hóa để tổ chức lại phù hợp với quy mô và yêu cầu thực tế. Kiện toàn, sắp xếp nhân sự các sở, ngành, cơ quan, đơn vị theo Đề án số 82/ĐA-BCS ngày 08/10/2012 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và Thông báo số 376-TB/TU ngày 22/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hoàn thiện quy hoạch cán bộ diện UBND tỉnh quản lý để phê duyệt và triển khai thực hiện.

Thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh. Tập trung đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để từng bước chuẩn hóa. Chú trọng đào tạo sau đại học, đào tạo cán bộ có năng lực để đảm bảo tham mưu, hoạch định chính sách; đồng thời ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ công chức cấp xã, nhất là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ có năng lực.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân gắn với tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tăng cường đối thoại trực tiếp trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện tốt công tác hòa giải cơ sở và thi hành án dân sự.

Tổ chức thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng và Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020. Tuyên truyền thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu công.

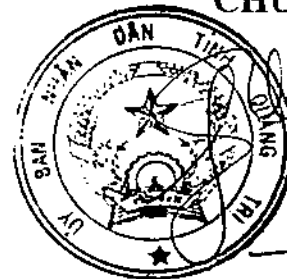
5. Quốc phòng - An ninh:

Tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nắm chắc tình hình địa bàn, nhất là tuyến biên giới, vùng biển đảo và các địa bàn trọng điểm; thực hiện nghiêm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Thường xuyên cảnh giác tình hình diễn biến trên Biển Đông và vùng biển khu vực đảo Côn Cỏ. Triển khai tuyên truyền, tổ chức các hoạt động hướng về biển đảo. Sẵn sàng ứng phó với diễn biến phức tạp của thời tiết. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ án trọng điểm; đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Nơi nhận:

- VPCP, VPQH, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- T.vụ TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- VP HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu VT, TH(D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Đức Chính